

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
SAIGON BEER-ALCOHOL-BEVERAGE
CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness**

Số/No: **959** /BSG-KTTK
Giải trình BCTC riêng Quý 3 năm 2021
*Explanation of the separate FS
of 3rd quarter of 2021*

Tp. Hồ Chí Minh, ngày **27** tháng 10 năm 2021
Ho Chi Minh City, October **27th** 2021

Kính gửi/To: - Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

Tên tổ chức : **Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**
Organization name : Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation
Mã chứng khoán : **SAB**
Security symbol : SAB
Địa chỉ : **187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TPHCM**
Address : 187 Nguyen Chi Thanh, Ward 12, District 5, Ho Chi Minh City

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin. Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn giải trình Báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2021 cụ thể như sau:

Pursuant to the Finance Ministry's Circular No.96/2020/TT-BTC on the disclosure of information. Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation (SABECO) explained the separate financial statement of the 3rd quarter 2021 as follow:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:
Separate income statement:

(Đơn vị tính: VNĐ)

KHOẢN MỤC/ ITEMS	Quarter 3		Tăng/ Increase, Giảm/ Decrease	Tỷ lệ / Percent
	2021	2020		
A	1	2	3=(1-2)	4=(3/2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Revenue from sales of goods and provision of services	4,929,658,553,597	9,264,597,371,737	(4,334,938,818,140)	-47%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Revenue deductions	15,160,848,510	279,700,401	14,881,148,109	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue	4,914,497,705,087	9,264,317,671,336	(4,349,819,966,249)	-47%
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp/ Cost of goods sold and services provided	4,322,823,698,305	7,861,573,598,162	(3,538,749,899,857)	-45%
5. Lợi nhuận gộp/ Gross Profit	591,674,006,782	1,402,744,073,174	(811,070,066,392)	-58%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial Income	373,197,187,181	1,457,107,763,625	(1,083,910,576,444)	-74%
7. Chi phí tài chính/ Financial Expenses	8,559,473,858	34,151,616,261	(25,592,142,403)	-75%
8. Chi phí bán hàng/ Selling expenses	488,582,847,262	634,496,599,648	(145,913,752,386)	-23%

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ General and administration expenses	79,656,142,245	94,724,460,340	(15,068,318,095)	-16%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Net operating profit	388,072,730,598	2,096,479,160,550	(1,708,406,429,952)	-81%
11. Thu nhập khác/ Other income	104,511,338	1,066,945,125	(962,433,787)	-90%
12. Chi phí khác/ Other expenses	570,363,968	743,032,585	(172,668,617)	-23%
13. Kết quả từ các hoạt động khác/ Results of other activities	(465,852,630)	323,912,540	(789,765,170)	-244%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ Accounting profit before tax	387,606,877,968	2,096,803,073,090	(1,709,196,195,122)	-82%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ Income tax expense – current	46,719,183,022	172,649,555,252	(125,930,372,230)	-73%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại/ Income tax benefit – deferred	(1,199,565,201)	3,597,002,772	(4,796,567,973)	-133%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit after tax	342,087,260,147	1,920,556,515,066	(1,578,469,254,919)	-82%

Giải trình:

Explanation:

Sự bùng phát làn sóng thứ 4 của dịch bệnh Covid cùng với các biện pháp phong tỏa, giãn cách xã hội được áp dụng ở Việt Nam cũng như lệnh giới nghiêm tại TP HCM và các tỉnh phía Nam đã làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của công ty dẫn đến kết công ty có lợi nhuận thấp hơn so với quý 3-2020

The outbreak of the 4th wave of Covid pandemic with lockdowns and strict social distancing measures imposed in Vietnam as well as extended curfew in HCMC and southern provinces had affected the Group business performance during Quarter 3. As a result, the Group had reported lower profit achievement compared to Q3-2020.

KHOẢN MỤC/ ITEMS	For the 09 month period ended 30 September		Tăng/ Increase, Giảm/ Decrease	Tỷ lệ / Percent
	2021	2020		
A	1	2	3=(1-2)	4=(3/2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Revenue from sales of goods and provision of services	20,485,841,727,035	22,287,496,628,890	(1,801,654,901,855)	-8%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Revenue deductions	21,400,840,507	279,700,401	21,121,140,106	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue	20,464,440,886,528	22,287,216,928,489	(1,822,776,041,961)	-8%
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp/ Cost of goods sold and services provided	17,517,966,545,304	18,931,648,695,712	(1,413,682,150,408)	-7%
5. Lợi nhuận gộp/ Gross Profit	2,946,474,341,224	3,355,568,232,777	(409,093,891,553)	-12%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial Income	1,865,674,273,320	2,460,399,455,630	(594,725,182,310)	-24%
7. Chi phí tài chính/ Financial Expenses	(7,258,930,906)	53,270,909,580	(60,529,840,486)	-114%

8. Chi phí bán hàng/ Selling expenses	2,213,069,638,594	1,680,807,987,871	532,261,650,723	32%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ General and administration expenses	160,772,981,239	304,996,788,970	(144,223,807,731)	-47%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Net operating profit	2,445,564,925,617	3,776,892,001,986	(1,331,327,076,369)	-35%
11. Thu nhập khác/ Other income	74,736,002,710	3,014,594,728	71,721,407,982	2379%
12. Chi phí khác/ Other expenses	2,205,299,083	2,189,017,935	16,281,148	1%
13. Lợi nhuận khác/ Results of other activities	72,530,703,627	825,576,793	71,705,126,834	8685%
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế/ Accounting profit before tax	2,518,095,629,244	3,777,717,578,779	(1,259,621,949,535)	-33%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ Income tax expense – current	266,713,752,339	393,707,816,421	(126,994,064,082)	-32%
16. Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại/ Income tax expense/(benefit) – deferred	12,489,314,675	35,172,105,883	(22,682,791,208)	-64%
17. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit after tax	2,238,892,562,230	3,348,837,656,475	(1,109,945,094,245)	-33%

Giải trình:

Explanation:

Trong 9 tháng đầu năm 2021, công ty đã thực hiện nhiều giải pháp toàn diện để tối ưu hóa việc quản lý kinh doanh và tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động bán hàng, từ đó góp phần giảm thiểu ảnh hưởng từ làn sóng thứ 3 và thứ 4 của đại dịch Covid.

In first 9 months of 2021, the Group has implemented many comprehensive solutions to optimize business management and drive sales activities which had helped to minimize the adverse impacts of the 3rd and 4th waves of the Covid-19 pandemic.

Trên đây là giải trình của SABECO báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về sự thay đổi các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2021 của SABECO.

The above explanations are for SABECO report to the State Securities Commission and Ho Chi Minh Stock Exchange about the changes of financial indicators on Sabeco's separate financial statement of the 3rd quarter 2021.

Trân trọng./.

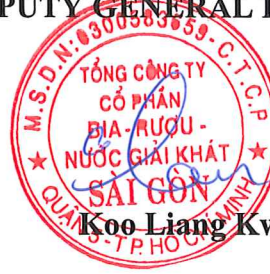
Yours Sincerely./.

3388
ÔNG T
HÀN
RƯỢU
GIẢI K
I GÒ
P HỒ

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ *As above*;
- CTHĐQT / *Chairman*;
- Lưu: VT/ *Save at the Office*.

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
ON BEHALF OF GENERAL DIRECTOR
DEPUTY GENERAL DIRECTOR**



Koo Liang Kwee

